

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2017

V/v “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Công

Bà Vũ Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2017/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Trương T, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 7, xã NS, huyện QL, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 7, xã NS, huyện QL, tỉnh Nghệ An

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 27/10/2017 anh Trần Trương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị D đăng ký kết hôn ngày 05/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã NS, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến khoảng tháng 3 năm 2011 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, anh T hay nóng nảy dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, bắt

đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị D đã bỏ về bên ngoại vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và cắt đứt mọi liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh T xin ly hôn với chị Trần Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Trương L, sinh ngày 26/12/2006. Từ trước đến nay cháu ở với anh T. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Anh Trần Trương T không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung của vợ chồng.

- Tại bản tự khai ngày 27/10/2017 cháu Trần Trương L trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn cháu L có nguyện vọng ở với bố vì từ trước đến nay cháu đã quen ở với bố và cuộc sống của cháu rất tốt.

- Chị Trần Thị D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị D có đơn xin vắng mặt ngày 15/12/2017 và đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trương T có quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã NS đúng như anh T đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Trương L, sinh ngày 26/12/2006. Hiện nay cháu ở với anh T. Do chị chưa có thu nhập và chỗ ở ổn định nên chị đồng ý để anh T nuôi con chung

Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung của vợ chồng.

- Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 147; 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Trương T được ly hôn với chị Trần Thị D.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Trương L, sinh ngày 26/12/2006 cho anh Trần Trương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm

hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị D vì anh T chưa yêu cầu. Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Anh T và chị D không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn anh Trần Trương T và chị Trần Thị D. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/12/2017, anh T có đơn xét xử vắng mặt đề ngày 21/12/2017. Do đó cần áp dụng Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Trần Trương T và bị đơn chị Trần Thị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trương T kết hôn với chị Trần Thị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã NS vào ngày 05/7/2004. Hôn nhân đảm bảo các điều kiện kết hôn do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh tại UBND xã NS về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, theo đó nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T hay uống rượu, không quan tâm đến vợ con, chị D đã bỏ về nhà ngoại sau đó đi làm từ năm 2011. Từ đó đến nay vợ chồng cắt đứt mọi liên hệ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh T xin ly hôn. Do đó áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Trương T được ly hôn chị Trần Thị D.

[3] Về con chung: Anh Trần Trương T và chị Trần Thị D có một con chung là cháu Trần Trương L, sinh ngày 26/12/2006. Xét nguyện vọng của anh T về con là chính đáng. Hiện nay cháu L đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu được đi học và phát triển bình thường. Từ năm 2011 đến nay anh T nuôi con vẫn đảm bảo điều kiện cho con phát triển, được học hành đầy đủ. Chị D cũng có ý kiến như anh T trình bày. Vì vậy, cần giao con chung là Trần Trương L cho anh Trần Trương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị D vì anh T chưa yêu cầu

Chị Trần Thị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Anh T và chị D không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Trương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trương T được ly hôn với chị Trần Thị D.
2. Về con chung: Giao con chung Trần Trương L, sinh ngày 26/12/2006 cho anh Trần Trương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị D do anh T chưa yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Anh Trần Trương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QL theo biên lai số 0004764 ngày 11/10/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận

- Các đương sự.
- VKSND huyện Q.Lưu;
- Chi cục THADS huyện Q.Lưu;
- UBND xã NS
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Anh Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thịnh

Nguyễn Hữu Công

Nguyễn Anh Sơn

